

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 132/2023/DS-ST

Ngày: 11-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 173/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị X (C), sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G (Thị X), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại tòa bà X, bà G vắng mặt; bà X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị X trình bày:

Vào năm 2019, bà X có cho bà G mượn 03 chỉ vàng 24K, hai bên Ta thuận trong vòng 01 tháng bà G sẽ trả lại cho bà X. Đến năm 2021, bà G trả 01 chỉ vàng, còn nợ lại 02 chỉ vàng hẹn sau 02 tháng sẽ trả tiếp tuy nhiên cho đến nay không trả. Bà X nhiều lần đến nhà đòi nhưng bà G tránh mặt, chỉ gặp chồng của bà G. Sau đó bà có gặp bà G giữa đường nên có yêu cầu bà G ghi tờ cam kết hẹn đến ngày 25/5/2022 âm lịch sẽ trả đủ 02 chỉ vàng 24K cho bà X. Trong tờ cam kết ghi “Tôi Thi X có nợ cô C hai chỉ vàng mượn không có tới gần 03 năm chưa trả....”. Bà có tên gọi khác là C còn bà G có tên gọi khác là Thi X. Cô C

trong tờ cam kết là bà, còn Thi X là bà G. Bà đã nộp các tài liệu để chứng minh nội dung trên. Số vàng trên bà chỉ cho mượn chứ không có thu tiền lãi. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà G có trách nhiệm trả cho bà 02 chỉ vàng 24K, bà yêu cầu nhận giá trị 02 chỉ vàng 24K là 11.000.000 đồng.

Bị đơn bà G đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Bà G cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà G không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc bà Nguyễn Thị G (Thi X) trả cho bà Hồ Thị X (C) 02 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà X khởi kiện yêu cầu bà G trả 02 chỉ vàng 24K còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà X khởi kiện yêu cầu bà G trả 02 chỉ vàng 24K. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà X cung cấp là: Tờ cam kết không ghi ngày tháng bản chính. Theo nội dung tờ cam kết thể hiện: “Tôi tên Thi X có nợ cô C hai chỉ vàng mượn không có tới gần 3 năm chưa trả. Nay tôi làm tờ cam kết vào ngày 25/5 âm lịch tôi phải trả nợ 02 chỉ vàng cho chị C”. Tờ cam kết có chữ ký của bà C, bà Thi X và người chứng kiến ông Đoàn Văn B. Theo xác nhận ngày 05/5/2023, trưởng ấp ấp Hưng Hòa Đông và Công an xã Hưng Nhượng thể hiện bà Hồ Thị X còn có tên gọi khác là C. Theo xác nhận ngày 10/5/2023, trưởng ấp ấp 5 và Công an xã Hưng Nhượng thể hiện bà Nguyễn Thị G còn có tên gọi khác là Thi X.

Tòa án đã nhiều lần kết hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà để lấy lời khai bà G nhưng bà G đều vắng mặt nên không thể lấy lời khai bà G được.

Theo các chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện:

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2023, người làm chứng ông Đoàn Văn B trình bày: Ông là người chạy xe ôm, ông có biết bà X và bà G vì đã từng chạy xe ôm chở bà X và bà G. Bà X có tên thường gọi là C, bà G có tên thường gọi là Thi X. Ông xác định vào khoảng tháng 4/2022, ông có chở bà X qua nhà bà G để đòi vàng nhưng không gặp bà G, sau đó ông chở bà X đi chợ thì gặp bà G giữa đường, bà X yêu cầu bà G viết tờ cam kết và hứa đến tháng 5/2022 sẽ trả. Ông có ký tên chứng kiến trong tờ cam kết do bà X nộp cho Tòa án. Lúc lập tờ cam kết ngoài ông ra còn có bà Mười C chứng kiến nhưng bà Mười C không chịu ký tên và tờ cam kết.

-Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2023, bà Võ Thị T (mười C) trình bày khoảng tháng 7/2022, bà Thi X có đến nhà bà mua cá và ngồi lại chơi thì bà X (C) đi ngang thấy hai bên cự cãi về việc bà Thi X có nợ vàng bà C còn cụ thể như thế nào thì bà không biết.

-Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2023 ông Phan Thanh Tùng cho biết ông là chồng bà Nguyễn Thị G, bà G có tên gọi khác là Thi X. Bà C (Hò Thị X) có đến nhà ông tìm bà G để đòi 02 chỉ vàng 24K nhưng không gặp bà G. Sau đó ông có hỏi lại bà G thì bà G nói là có mượn 02 chỉ vàng 24K của bà X để làm ăn nhưng đã đóng lãi quá giá trị 02 chỉ vàng rồi nên bà X đã xóa nợ không đòi nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người làm chứng có cơ sở xác định bà G (Thi X) có vay (mượn) của bà X (C) 02 chỉ vàng 24K. Tuy tờ cam kết không ghi năm trả vàng nhưng theo bà X trình bày thì vào ngày 25/5/2022 âm lịch sẽ trả, phù hợp với lời trình bày của ông B. Ông Tùng chồng bà G trình bày ông nghe nói lại là bà X đã thu lãi vượt giá trị 02 chỉ vàng và xóa nợ cho bà G nhưng bà X không thừa nhận việc này. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Do đó việc bà X (C) khởi kiện yêu cầu bà G (Thi X) trả 02 chỉ vàng 24K là có cơ sở chấp nhận. Bà X yêu cầu nhận giá trị 02 chỉ vàng 24K với số tiền 11.000.000 đồng, tương đương 5.500.000 đồng/chỉ. Nếu giá vàng khi xét xử cao hơn 5.500.000 đồng/chỉ thì bà cũng chỉ yêu cầu nhận số tiền 5.500.000 đồng/chỉ. Giá vàng nữ trang – nhẫn 24K trên thị trường vào ngày 11/9/2023 là 5.635.000 đồng, nên việc bà X chỉ yêu cầu bà G trả giá trị 5.500.000 đồng/chỉ là thấp hơn giá thị trường, có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà G phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 11.000.000 đồng x 5% = 550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X (C). Buộc bà Nguyễn Thị G (Thị X) có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị X (C) số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị G (Thị X) có trách nhiệm nộp là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tự nguyện thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan